TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10/5/2018
Về việc: Tranh chấp
hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Ngô Thị Mai
Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan,là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 10/5/2018,tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" thụ lý số 390/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1993
HKTT: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Chổ ở hiện nay: Thôn K, xã N, huyện Nh, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh Lê Văn H - Sinh năm 1990
ĐKHKTT và chổ ở hiện nay: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chị T có mặt, anh H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2010 tại Ủy ban nhân xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham chơi cờ bạc, chị động viên khuyên nhủ anh H không nghe mà còn mắng chửi chị, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh H vẫn chứng nào tật ấy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,cuộc sống chung không có hạnh phúc chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung và tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không có ý kiến cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không làm việc được với anh H, căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo tài liệu chị T cung cấp, anh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã H, huyện T, thời điểm chị nộp đơn khởi kiện anh H đang có mặt tại địa phương, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đến gia đình để tống đạt thông báo thụ lý cho anh H, ông Lê Văn Ng, bố đẻ anh H cho biết anh H hay bỏ nhà đi, gia đình không biết anh H ở đâu, thỉnh thoảng mới về nhà một hai ngày rồi lại đi và từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, theo chính quyền địa phương xã Hợp Thành anh H hiện nay không có mặt tại địa phương, khi đi không đăng ký tạm vắng, tạm trú nên địa phương không biết anh H ở đâu, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại trụ sở UBND xã Hợp Thành và tại trụ sở Tòa án để anh H biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, ngày 27/4/2018, Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2017 tại Ủy ban nhân Thượng Ninh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên là hôn nhân hợp pháp, sống chung hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh H cờ bạc không chiu làm ăn, không quan tâm đến gia đình và do vợ chồng không có con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, quá trình giải quyết vụ án anh H bỏ đi làm ăn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài như vậy việc chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H.

[3] Về con cái, tài sản: Chị T trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, anh H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271,273,280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con cái, tài sản: Không có, các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001034 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Thượng Ninh- Như Xuân;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Hợp